

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương
năm 2025 trên địa bàn phường Phước Bình**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG PHƯỚC BÌNH
KHÓA III, KỲ HỌP THỨ 3**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 25/6/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về phân cấp nguồn thu và tỷ lệ (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Đồng Nai năm 2025, giai đoạn 2023-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND ngày 25/6/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về phân cấp nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai sau sắp xếp;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 25/6/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai sau sắp xếp;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND ngày 08/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về quy định nguyên tắc, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước tỉnh Đồng Nai năm 2025,

Căn cứ Quyết định số 356/QĐ-UBND ngày 11/7/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 25/6/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai sau sắp xếp;

Căn cứ Quyết định số 146/QĐ-STC ngày 11/7/2025 của Sở Tài chính về việc giao dự toán ngân sách nhà nước – chi ngân sách địa phương tỉnh Đồng Nai năm 2025 (sau sắp xếp);

Xét Báo cáo số 49/BC-UBND ngày 30/7/2025 của Ủy ban nhân dân phường về dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2025 trên địa bàn phường Phước Bình; Tờ trình số 22/TTr-UBND ngày 30/7/2025 của Ủy ban nhân dân phường về việc đề nghị thông dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2025 trên địa bàn phường Phước Bình; Báo cáo thẩm tra số 05/BC-HĐND ngày 30/7/2025 của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân phường và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân phường tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2025 trên địa bàn phường Phước Bình, cụ thể như sau:

1. Dự toán thu

1.1 Tổng thu NSNN trên địa bàn: 15 tỷ 776 triệu đồng.

- Thu nội địa: 15 tỷ 776 triệu đồng.

1.2 Tổng thu NSDP: 343.734.545 nghìn đồng.

- Các khoản thu được hưởng theo phân cấp: 7.168.150 nghìn đồng.

- Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh: 320.845.311 nghìn đồng.

- Thu chuyển nguồn của cấp xã trước sắp xếp: 10.926.524 nghìn đồng.

- Thu kết dư cấp xã trước sắp xếp: 4.794.560 nghìn đồng.

2. Dự toán chi ngân sách

Tổng chi ngân sách địa phương: 343.734.545 nghìn đồng.

Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển: 6.312.000 nghìn đồng.

- Chi thường xuyên: 300.197.148 nghìn đồng.

- Chi tạo nguồn cải cách tiền lương: 25.800.520 nghìn đồng.

- Chi dự phòng: 6.630.317 nghìn đồng.

- Chi từ nguồn thu kết dư ngân sách năm 2024: 4.794.560 nghìn đồng.

3. Cân đối ngân sách

Tổng thu ngân sách địa phương hưởng: 343.734.545 nghìn đồng, cân đối với tổng chi ngân sách địa phương: 343.734.545 nghìn đồng, ngân sách phường năm 2025 cân bằng thu chi.

(Chi tiết tại các phụ lục 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07 kèm theo)

Điều 2.

- Giao Ủy ban nhân dân phường tổ chức triển khai thực hiện theo quy định. Đối với các khoản dự toán chi đã được Hội đồng nhân dân phường quyết định chưa phân bổ chi tiết, giao Ủy ban nhân dân phường phân bổ, giao dự toán chi đảm bảo kịp thời, tiết kiệm, hiệu quả, tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Ủy ban nhân dân phường báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân phường và báo cáo Hội đồng nhân dân phường tại kỳ họp gần nhất *(nếu có phát sinh phân bổ các nhiệm vụ chi mới)*.

- Giao Thường trực Hội đồng nhân dân phường, hai Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân phường khóa III giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân phường khóa III, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 31 tháng 7 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT. HĐND, UBND tỉnh;
- ĐB HĐND tỉnh khu vực phường;
- TT ĐU, HĐND, UBND, UBMTTQ VN phường;
- 02 Ban và ĐB HĐND, TV UBND phường;
- CQ, BN, ĐT phường;
- LĐVP, CVVP;
- Lưu VT.



CHỦ TỊCH

Phạm Thị Anh Thư

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH PHƯỜNG PHƯỚC BÌNH NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 31 / 7 /2025 của HĐND phường)

ĐVT: nghìn đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	343,734,545
I	- Thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp	7,168,150
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	2,081,150
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	5,087,000
II	- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	320,845,311
1	- Bổ sung cân đối ngân sách	290,267,000
2	- Bổ sung có mục tiêu (chính sách thôi việc, hưu trước tuổi)	30,578,311
III	Thu chuyển nguồn	10,926,524
IV	Thu kết dư 2024 (04 xã, phường trước sắp xếp)	4,794,560
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	343,734,545
I	Chi đầu tư phát triển	6,312,000
II	Chi thường xuyên	300,197,148
III	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	25,800,520
IV	Dự phòng	6,630,317
V	Chi từ nguồn thu kết dư 2024	4,794,560

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2025
(Kèm theo Nghị quyết số 14 /NQ-HĐND ngày 11 / 7 /2025 của HĐND phường)

ĐVT: nghìn đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025 tỉnh giao		Dự toán 2025 phường giao		Đạt tỷ lệ so với dự toán năm 2025 tỉnh giao	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	NSNN	NSDP
	TỔNG THU NSNN	15,776,000	6,753,000	16,191,150	7,168,150	103%	106%
I	Thu nội địa	15,776,000	6,753,000	16,191,150	7,168,150	103%	106%
1	Thuế giá trị gia tăng (59%)	6,470,000	3,817,000	6,470,000	3,817,000	100%	100%
2	Thu lệ phí trước bạ (50%)	2,540,000	1,270,000	2,540,000	1,270,000	100%	100%
3	Thu phí, lệ phí	632,000	632,000	632,000	632,000	100%	100%
4	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	789,000	789,000	789,000	789,000	100%	100%
5	Thu khác	245,000	245,000	245,000	245,000	100%	100%
6	Thu tiền sử dụng đất	5,100,000		5,100,000		100%	
7	Thu huy động đóng góp của nhân dân theo quy định	-	-	415,150	415,150		



TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 31 / 7 /2025 của HĐND phường)

ĐVT: nghìn đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán 2025 tính giao	DỰ TOÁN NĂM 2025 HĐND PHƯỜNG GIAO			Chênh lệch so với dự kiến dự toán Tỉnh giao	
			Tổng cộng	DT đã thực hiện chi 06 tháng đầu năm	Dự toán chi 6 tháng cuối năm 2025		
						Số tiền	Đạt
A	B	1	2=4+7	4=5+6	7	8=(1)-(2)	9=2/1
	TỔNG CHI (I+II+III)	297,020,000	343,734,545	176,322,105	167,113,440	46,714,545	115.73
i trong cân đối NSNN							
I. Chi đầu tư phát triển		6,312,000	6,312,000		6,312,000		
	- Nguồn vốn khác (từ nguồn vốn cấp huyện trước 01/7/2025)	6,312,000	6,312,000		6,312,000		
II. Chi thường xuyên		256,265,000	300,197,148	176,322,105	123,576,043	43,932,148	117.14
1	Chi cho công tác DQTV, TTATXH		18,422,221	11,746,141	6,676,080	-	
	- Chi công tác Quốc phòng		11,936,412	8,450,153	3,486,259		
	- Chi trật tự an toàn xã hội (an ninh)		6,485,809	3,295,988	3,189,821		
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo		110,971,480	46,188,497	64,782,983		
3	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin và thể thao		6,117,275	5,017,275	1,100,000		
4	Chi y tế		46,926	46,926	-		
5	Chi phát thanh truyền hình		335,034	235,034	100,000		
6	Chi các hoạt động kinh tế		34,829,560	22,273,621	12,555,939		
7	Chi sự nghiệp môi trường		6,764,683	3,048,896	3,715,787		
8	Chi quản lý QLNN, Đảng, đoàn thể		108,617,351	77,908,409	30,708,942		
9	Chi cho công tác đảm bảo xã hội		13,992,618	9,857,306	3,936,312		
10	Chi khác		100,000				
IV	Nguồn CCTL	28,443,000	25,800,520		25,800,520	(2,642,480)	90.71
VI	Chi từ nguồn thu kết dư 2024		4,794,560		4,794,560		
VII	Dự phòng	6,000,000	6,630,317	-	6,630,317	630,317	110.51

PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NĂM 2025 CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP

(Kèm theo Nghị quyết số 17 /NQ-HĐND ngày 31 / 7 /2025 của HĐND phường)

ĐVT: nghìn đồng

STT	Diễn giải	Dự toán giao năm 2025	Ghi chú
I	Chi quốc phòng và an ninh	18,422,222	
I.1	Chi an ninh	6,485,809	
1	Dự toán đã chi 6 tháng đầu năm	3,295,988	
2	Dự toán chi 6 tháng cuối năm	2,989,821	
	Văn phòng HĐND&UBND	2,989,821	
3	Dự toán chưa phân bổ	200,000	
I.2	Chi quốc phòng	11,936,413	
1	Dự toán đã chi 6 tháng đầu năm	8,450,153	
2	Dự toán chi 6 tháng cuối năm	3,286,260	
	Văn phòng HĐND&UBND	3,286,260	
3	Dự toán chưa phân bổ	200,000	
II	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	110,971,480	
II.1	Chi sự nghiệp giáo dục mầm non	20,730,682	
	Trường Mẫu giáo Sao Mai	5,272,496	
	Trường Mẫu giáo Sao Sáng	3,726,467	
	Trường Mẫu giáo Phước Bình	4,074,686	
	Trường Mẫu giáo Hương Sen	2,569,380	
	Trường MG Bình Minh	5,087,653	
II.2	Chi sự nghiệp giáo dục tiểu học	45,889,140	
	Trường TH Lê Hồng Phong	9,793,368	
	Trường TH Phan Bội Châu	7,857,708	
	Trường TH Trương Vĩnh ký	10,633,612	
	Trường TH Long Giang	5,982,165	
	Trường TH Chu Văn An	11,622,287	
II.3	Chi sự nghiệp giáo dục THCS	39,654,067	
	Trường THCS Phước Bình	10,831,470	
	Trường THCS Long Phước	14,513,943	
	Trường TH và THCS Bình Sơn	14,308,654	
II.4	Chi sự nghiệp đào tạo	923,642	
1	Dự toán đã chi 6 tháng đầu năm	273,642	
2	Dự toán chi 6 tháng cuối năm	650,000	
2.1	Văn phòng HĐND&UBND	500,000	
2.2	Phòng Văn hóa - Xã hội	150,000	

bao gồm dự toán đã chi 6 tháng đầu năm

STT	Diễn giải	Dự toán giao năm 2025	Ghi chú
II.5	Dự toán chưa phân bổ	3,773,949	
III	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin và thể thao	6,117,275	
1	Dự toán đã chi 6 tháng đầu năm	5,017,275	
2	Dự toán chi 6 tháng cuối năm	650,000	
	Trung tâm dịch vụ tổng hợp	650,000	
	Sự nghiệp văn hóa	350,000	
	- Kinh phí phục vụ công tác thông tin, tuyên truyền, văn hoá, văn nghệ	350,000	
	Sự nghiệp thể thao	300,000	
	- Chi hoạt động thể thao	300,000	
3	Dự toán chưa phân bổ	450,000	
IV	Chi phát thanh truyền hình	335,034	
1	Dự toán đã chi 6 tháng đầu năm	235,034	
2	Trung tâm dịch vụ tổng hợp	100,000	
	Chi hoạt động phát thanh truyền hình	100,000	
V	Chi các hoạt động kinh tế	34,829,560	
1	Dự toán đã chi 6 tháng đầu năm	22,273,621	
2	Kiến thiết thị chính	6,775,802	
2.1	Trung tâm dịch vụ tổng hợp	5,307,795	
2.2	Cơ quan Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam cấp xã	152,939	
2.3	Văn phòng Đảng ủy phường	134,907	
2.4	Văn phòng HĐND&UBND	180,161	
2.5	Dự toán chưa phân bổ	1,000,000	
3	Sự nghiệp kinh tế và dịch vụ khác	5,780,137	
3.1	Văn phòng HĐND&UBND	2,905,000	
3.2	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	1,875,137	
3.3	Trung tâm dịch vụ tổng hợp	1,000,000	
4	Dự toán chưa phân bổ	2,000,000	
VI	Chi sự nghiệp môi trường	6,764,683	
1	Dự toán đã chi 6 tháng đầu năm	3,048,896	
2	Dự toán chi 6 tháng cuối năm	2,715,787	
	Trung tâm dịch vụ tổng hợp	2,715,787	
3	Dự toán chưa phân bổ	1,000,000	
VII	Chi quản lý QLNN, Đảng, đoàn thể	108,664,276	
1	Dự toán đã chi 6 tháng đầu năm	77,955,335	
2	Dự toán chi 6 tháng cuối năm	27,314,928	
2.1	Văn phòng HĐND&UBND	10,701,037	
2.2	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	2,777,014	



STT	Diễn giải	Dự toán giao năm 2025	Ghi chú
2.3	Phòng Văn hóa - Xã hội	1,902,734	
2.4	Trung tâm phục vụ hành chính công	1,410,315	
2.4	Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam phường	4,303,828	
2.5	Văn phòng Đảng ủy phường	6,220,000	
3	Dự toán chưa phân bổ	3,394,013	
VIII	Chi cho công tác đảm bảo xã hội	13,992,618	
1	Dự toán chi 6 tháng đầu năm	9,856,306	
2	Dự toán chi 6 tháng cuối năm	4,136,312	
2.1	Phòng Văn hóa xã hội	4,136,312	
IX	Chi khác	100,000	
	Tổng dự toán chi thường xuyên	300,197,148	-



BIỂU TỔNG HỢP KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 31/7/2025 của HĐND phường)

Đơn vị: nghìn đồng

Nội dung	Kế hoạch năm 2025		Thực hiện năm 6 tháng đầu 2025	
	THU	CHI	THU	CHI
TỔNG SỐ				
I. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách				
- Quỹ phòng chống thiên tai				
- Tiền gửi khác do xã quản lý				
I. Các hoạt động sự nghiệp				
1. Chợ	1,966,668	1,966,668	604,215	310,448
a. Tổng thu	1,966,668		604,215	
+ Giá cho thuê dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ	808,668		389,215	
+ Thu điểm KD không cố định	216,000		105,500	
+ Thu khác	942,000		109,500	
b. Tổng chi		1,966,668	-	310,448
Chi tiền Lương, các khoản phụ cấp, hỗ trợ khác cho Ban quản lý chợ		409,584		201,000
Chi hoạt động sự nghiệp phục vụ công tác quản lý chợ		1,435,284		48,026
Chi nộp thuế Môn bài, TNDN 5%, TNCN 5%		121,800		61,422
c. Số chênh lệch			-	



TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH PHƯỜNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025
(Kèm theo Nghị quyết số 17 /NQ-HĐND ngày 31 / 7 /2025 của HĐND phường)

DVT: nghìn đồng

STT	Nội dung	Dự toán 2025 phường		Kết quả thu NSNN 6		Đạt (%)	
		THU NSNN	THU NSDP	THU NSNN	THU NSDP	NSNN	NSDP
	Thu NSNN trên địa bàn (A+B)						
	TỔNG THU	16,191,150	343,734,545	10,263,086	51,629,548	63.4%	15.0%
I	Thu nội địa	16,191,150	7,168,150	10,263,086	5,330,153	63.4%	74.4%
I.1	Các khoản thu 100%	2,081,150	2,081,150	1,683,680	1,683,680	80.9%	80.9%
1	Thu phí, lệ phí	632,000	632,000	584,232	584,232		
2	Thu huy động đóng góp của nhân dân theo quy định	415,150	415,150	353,497	353,497		
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	789,000	789,000	500,168	500,168		
4	Thu khác	245,000	245,000	245,783	245,783		
I.2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	14,110,000	5,087,000	8,579,406	3,646,473	60.8%	71.7%
1	Các khoản thu phân chia	9,010,000	5,087,000	8,579,406	3,646,473	95.2%	71.7%
	- Thuế giá trị gia tăng	6,470,000	3,817,000	4,436,336	2,617,438	68.6%	68.6%
	- Thu lệ phí trước bạ	2,540,000	1,270,000	2,058,070	1,029,035	81.0%	81.0%
	- Thu tiền sử dụng đất	5,100,000		2,085,000	-	40.9%	
II	Thu chuyển nguồn		10,926,524		10,926,524		100.0%
III	Thu kết dư ngân sách năm trước		4,794,560		4,794,560		100.0%
IV	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	-	320,845,311		30,578,311		9.5%
	- Thu bổ sung cân đối		290,267,000				0.0%
	- Thu bổ sung có mục tiêu		30,578,311		30,578,311		100.0%

